

Số: 02 /QĐ-CCKL

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 01 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai phân bổ giao dự toán  
chi ngân sách Nhà nước năm 2026 cho các đơn vị trực thuộc  
Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thái Nguyên

### CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC KIỂM LÂM THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1771/QĐ-SNNMT ngày 31/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thái Nguyên, mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1035632;

Căn cứ Quyết định số 545/QĐ-CCKL ngày 31/12/2025 về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị trực thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Hành chính- Tổng hợp.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 của Chi cục Kiểm lâm và các đơn vị trực thuộc Chi cục.

1. Nội dung công khai: Chi tiết theo phụ biểu kèm theo


2. Hình thức công khai:

- Đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Chi cục Kiểm lâm.
- Gửi quyết định công khai này cho các phòng nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc Chi cục.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp, Trưởng các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc Chi cục tổ chức thực hiện Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở NN &MT;
- Lãnh đạo CCKL;
- Lưu: VT, HCTH. 



Lê Cẩm Long





CÔNG KHAI PHẦN BỘ DỮ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Kiểm theo Quyết định số: **02/QĐ-CCKL** ngày **08/01/2026** của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng													
	Hạt Kiểm lâm số 12	Hạt Kiểm lâm số 13	Hạt Kiểm lâm số 14	Hạt Kiểm lâm số 15	Hạt Kiểm lâm số 16	Hạt Kiểm lâm số 17	Đội Kiểm lâm cơ động & PCCCR số 1	Đội Kiểm lâm cơ động & PCCCR số 2	Đội Kiểm lâm cơ động & PCCCR số 3	Ban QL khu DTTN Kim Hỷ	Ban QL rừng ATK Định Hóa	BQL KBT Loài-sinh cảnh Nam Xuân Lạc		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.131</b>	<b>3.960</b>	<b>3.294</b>	<b>3.425</b>	<b>4.377</b>	<b>4.323</b>	<b>2.455</b>	<b>1.632</b>	<b>1.474</b>	<b>9.073</b>	<b>4.885</b>	<b>4.438</b>		
<b>I. Quản lý hành chính (412-340-341)</b>	<b>4.071</b>	<b>3.900</b>	<b>3.222</b>	<b>3.344</b>	<b>4.327</b>	<b>4.263</b>	<b>2.390</b>	<b>1.572</b>	<b>1.414</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
1. Kinh phí tự chủ (Nguồn 13)	3.513	3.418	2.896	2.961	3.756	3.446	1.986	1.337	1.189	-	-	-		
2. Kinh phí không tự chủ	558	482	326	383	571	817	404	235	225	0	0	0		
2.1 Kinh phí không tự chủ (Nguồn 12)	388	320	206	245	390	625	294	168	166	0	0	0		
2.2 Kinh phí không tự chủ (Nguồn 18)	170	162	120	138	181	192	110	67	59	-	-	-		
<b>II. Sự nghiệp kinh tế (412-280-282)</b>	<b>60</b>	<b>60</b>	<b>72</b>	<b>81</b>	<b>50</b>	<b>60</b>	<b>65</b>	<b>60</b>	<b>60</b>	<b>9.073</b>	<b>4.885</b>	<b>4.438</b>		
1. Kinh phí tự chủ (Nguồn 13)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5.936	2.556	3.342		
2. Kinh phí không tự chủ	60	60	72	81	50	60	65	60	60	3.137	2.329	1.096		
2.1 Kinh phí không tự chủ (Nguồn 12)	60	60	72	81	50	60	65	60	60	2.868	2.168	943		
2.2 Kinh phí không tự chủ (Nguồn 18)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	269	161	153		